

Bản án số: 104/2024/DS-ST

Ngày: 29 - 10 - 2024

V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng
và yêu cầu xử lý tài sản thế chấp

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thái Sơn

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Hữu Thiện và ông Mai Văn Ngọc

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Nga - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diệu Thúy - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 10 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình mở phiên tòa sơ thẩm công khai để xét xử vụ án dân sự thụ lý số: 08/2024/TLST-DS ngày 29 tháng 01 năm 2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng và yêu cầu xử lý tài sản thế chấp”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 359/2024/QĐST-DS ngày 11 tháng 10 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng N1; Địa chỉ: Số B L, phường T, quận B, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Toàn V – Chức vụ: Tổng giám đốc Ngân hàng N1.

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Nguyễn Xuân H – Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng N1, Chi nhánh B.

Người được ông Nguyễn Xuân H uỷ quyền: Bà Lê Thị Nguyệt N – Chức vụ: Trưởng phòng khách hàng doanh nghiệp Ngân hàng N1, Chi nhánh B. Địa chỉ: Số C H, thị trấn H, huyện B, tỉnh Quảng Bình; có mặt.

- Bị đơn: Ông Phạm L, sinh năm 1981; nơi cư trú trước khi xuất cảnh: Thôn B, xã Đ, huyện B, tỉnh Quảng Bình; hiện đang cư trú tại Đà Loan; có đơn xin xét xử vắng mặt. Bà Nguyễn Thị H1, sinh năm 1984; địa chỉ: Thôn B, xã Đ, huyện B, tỉnh Quảng Bình; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 31/10/2023 và ý kiến tại bản tự khai cũng như tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn trình bày:

Bà **Nguyễn Thị H1** và ông **Phạm L** đã vay vốn đóng mới tàu cá theo Hợp đồng tín dụng số: 727/2018/HĐTD ngày 25 tháng 05 năm 2018, Hợp đồng sửa đổi bổ sung Hợp đồng tín dụng số: 727/2019/HĐSĐBS-TD ngày 20 tháng 11 năm 2019, Hợp đồng sửa đổi bổ sung Hợp đồng tín dụng số: 727A/2020/HĐSĐBS-HĐTD ngày 22 tháng 05 năm 2020, Hợp đồng sửa đổi bổ sung Hợp đồng tín dụng số: 727B/2020/HĐSĐBS-HĐTD ngày 01 tháng 09 năm 2020, Hợp đồng sửa đổi bổ sung Hợp đồng tín dụng số: 727C/2020/HĐSĐBS-HĐTD ngày 11 tháng 11 năm 2020, Hợp đồng sửa đổi bổ sung Hợp đồng tín dụng số: 727D/2021/HĐSĐBS-HĐTD ngày 21 tháng 05 năm 2021, Hợp đồng sửa đổi bổ sung Hợp đồng tín dụng số: 727E/2021/HĐSĐBS-HĐTD ngày 17 tháng 11 năm 2021, Hợp đồng sửa đổi bổ sung Hợp đồng tín dụng số: 727F/2022/HĐSĐBS-HĐTD ngày 16 tháng 05 năm 2022 và Hợp đồng sửa đổi bổ sung Hợp đồng tín dụng số: 727G/2022/HĐSĐBS-HĐTD ngày 21 tháng 11 năm 2022. (Sau đây gọi là “Hợp đồng tín dụng số: 727/2018/HĐTD ngày 25 tháng 05 năm 2018 và các Hợp đồng sửa đổi bổ sung kèm theo”) đã ký giữa **A chi nhánh B** và bà **Nguyễn Thị H1**, ông **Phạm L**; số tiền vay: 4.500.000.000 đồng; Số tiền giải ngân thực tế: 4.500.000.000 đồng; Mục đích vay: Chi phí đóng mới tàu đánh cá; Thời hạn: 8 năm (96 tháng); Lãi suất: 10%/năm. Trong quá trình thực hiện hợp đồng bà **H1** và ông **L** đã trả được số tiền: 1.803.720.482 đồng. Trong đó: Số tiền gốc đã trả: 700.000.000 đồng, số tiền lãi đã trả: 1.103.720.482 đồng; Ngày trả nợ lãi gần nhất: 07/03/2022 trả lãi đến ngày 14/01/2021; Ngày trả nợ gốc gần nhất: 07/03/2022; Chuyển nợ quá hạn kể từ ngày 01/03/2023. **A chi nhánh B** đã giải ngân cho khách hàng 1 lần ngày 25/05/2018 (Số giải ngân: 3801LDS201803930), số tiền 4.500.000.000 đồng. Dư nợ đến ngày 26/02/2024: 3.800.000.000 đồng.

Tài sản bảo đảm cho khoản vay là:

Tài sản thứ nhất: Tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 902, tờ bản đồ số 5; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BV 352964, số vào sổ cấp GCN: CH00983, do **UBND huyện B** cấp ngày 17 tháng 10 năm 2014, cho ông **Phạm L**, bà **Nguyễn Thị H1**, theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 727/2018/HĐTC ngày 24 tháng 05 năm 2018, Văn bản thỏa thuận thế chấp tài sản bảo đảm tiền vay số: 727/2018/VBTT ngày 24 tháng 05 năm 2018 và Hợp đồng sửa đổi bổ sung Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 727/2020/HĐSĐBS-HĐTC ngày 01 tháng 09 năm 2020 ký giữa **A chi nhánh B** (Bên nhận thế chấp) và ông **Phạm L**, bà **Nguyễn Thị H1** (Bên thế chấp) đã được công chứng tại văn phòng Công chứng. Giá trị tài sản tại thời điểm vay vốn: 600.000.000 đồng.

Tài sản thứ hai: Thế chấp tài sản là toàn bộ tàu cá vỏ gỗ theo mẫu thiết kế: ĐH 0117ĐM; Cơ quan thiết kế: **Công ty TNHH D**, Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá số 80074; số đăng ký QB-92425-TS do **Chi cục KT&BVNL Thủy sản Q** cấp ngày 19 tháng 04 năm 2018 theo Hợp đồng thế chấp tài sản số: 727A/2018/HĐTC ngày 24 tháng 05

năm 2018 và Hợp đồng sửa đổi bổ sung Hợp đồng thế chấp tài sản số: 727A/2020/HĐSDBS-HĐTC ngày 01 tháng 09 năm 2020 ký giữa **A chi nhánh B** (Bên nhận thế chấp) và ông **Phạm L**, bà **Nguyễn Thị H1** (Bên thế chấp) đã được công chứng tại **văn phòng C**, đăng ký giao dịch đảm bảo tại Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại Đà Nẵng. Giá trị tài sản: 5.600.000.000 đồng (Bằng chữ: Năm tỷ sáu trăm triệu đồng). Tổng giá trị tài sản đã thế chấp: 6.200.000.000 đồng (Bằng chữ: Sáu tỷ hai trăm triệu đồng).

Trong quá trình vay vốn, bà **H1** và ông **L** đã không thực hiện đúng các thỏa thuận, cam kết tại các hợp đồng tín dụng đã ký với **Ngân hàng N1** và để phát sinh nợ quá hạn. Ngân hàng đã trực tiếp nhiều lần và có văn bản yêu cầu bà **H1**, ông **L** thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo các hợp đồng nêu trên nhưng bà **H1**, ông **L** vẫn không trả nợ tiền gốc, tiền lãi cho Ngân hàng và liên tiếp vi phạm nghĩa vụ đã cam kết. Tổng dư nợ tính đến hết ngày 29/10/2024 là: **5.541.338.087 đồng (Bằng chữ: Năm tỷ năm trăm bốn mươi một triệu, ba trăm ba mươi tám nghìn không trăm tám mươi bảy đồng)**, trong đó: **nợ gốc: 3.800.000.000 đồng; lãi: 1.741.338.087 đồng (lãi trong hạn: 1.483.308.320 đồng; lãi quá hạn: 82.424.424 đồng; lãi chậm trả: 175.605.343 đồng)**.

Do đó, để đảm bảo việc thu hồi nợ vay cho Ngân hàng, **A chi nhánh B** yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc bà **Nguyễn Thị H1** và ông **Phạm L** thực hiện nghĩa vụ trả nợ với số tiền **5.541.338.087 đồng (tính đến hết ngày 29/10/2024)**, buộc ông **L**, bà **H1** phải tiếp tục trả lãi phát sinh theo mức lãi suất đã thỏa thuận tại các hợp đồng. Nếu ông **L**, bà **H1** không thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ sau khi Tòa án ra quyết định, bản án có hiệu lực pháp luật Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự xử lý tài sản bảo đảm của bà **H1**, ông **L** theo các hợp đồng bảo đảm đã ký để thu hồi nợ. Nếu số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm không đủ trả nợ cho **A** thì **A Chi nhánh B** có quyền yêu cầu bà **H1** và ông **L** tiếp tục trả số nợ còn lại.

Tại bản tự khai bị đơn bà Nguyễn Thị H1 trình bày: Bà và chồng bà là ông **Phạm L** có vay vốn tại **Ngân hàng N1** để đóng mới tàu cá vào năm 2018 theo Hợp đồng tín dụng số: 727/2018/HĐTD ngày 25 tháng 05 năm 2018; sau đó qua các năm ông, bà lại ký các hợp đồng sửa đổi, bổ sung để gia hạn việc trả nợ cho ngân hàng; số tiền vay: 4.500.000.000 đồng; Mục đích vay: Chi phí đóng mới tàu đánh cá; Thời hạn: 8 năm (96 tháng); Lãi suất: 10%/năm. Từ khi vay tiền ngân hàng cho đến nay, vợ chồng bà đã trả cho phía **Ngân hàng N1** số tiền hơn 1.800.000.000 đồng qua nhiều lần, bà không nhớ rõ số tiền cụ thể là bao nhiêu. Để đảm bảo cho khoản vay trong hợp đồng tín dụng trên, vợ chồng bà đã thế chấp 02 tài sản đó là: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 902, tờ bản đồ số 5 tại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BV 352964, do **UBND huyện B** cấp ngày 17 tháng 10 năm 2014 cho vợ chồng bà là **Phạm L** và **Nguyễn Thị H1**; tài sản thứ hai là toàn bộ tàu cá vỏ gỗ theo mẫu thiết kế: ĐH- 0117ĐM; cơ quan thiết kế: **Công ty TNHH D**, Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá số 80074; số đăng ký QB-92425-

TS do **Chi cục KT&BVNL Thủy sản Q** cấp ngày 19 tháng 04 năm 2018. Tổng giá trị tài sản đã thế chấp: 6.200.000.000 đồng.

Trước đó vợ chồng bà có trả nợ gốc và lãi đầy đủ cho ngân hàng 1.800.000.000 đồng, tuy nhiên đến năm 2021 chồng bà bị đau ốm phải đi điều trị ở bệnh viện dài ngày nên tàu không hoạt động được. Đến đầu năm 2022 do không có tiền chi trả tiền dầu cho tàu hoạt động và để thuê nhân công đi tàu nên tàu neo bờ ở **Cảng N, thành phố Đ** cho đến nay. Chồng bà hiện đang sinh sống và làm việc tại Đài Loan và vẫn thường xuyên liên lạc, gọi điện về cho gia đình qua điện thoại, mạng xã hội. Tuy nhiên do tính chất công việc của ông **L** thường xuyên đi làm ở những nơi khác nhau nên không có địa chỉ cụ thể. Tháng 6 năm 2022 bà có viết đơn gửi Ngân hàng xin Ngân hàng thu hồi tài sản thế chấp do vợ chồng bà không có khả năng để trả nợ, tuy nhiên Ngân hàng không giải quyết và tiếp tục tính lãi cho đến nay. Cuối năm 2022 có người muốn mua tàu, bà có báo với Ngân hàng để xin xử lý nhưng Ngân hàng thông báo việc bán tàu phải có mặt ông **L** ở nhà nhưng do chồng bà đi nước ngoài không thể về nên không bán được. Thời điểm vợ chồng bà làm đơn gửi ngân hàng yêu cầu bán tàu cá thì tàu vẫn hoạt động bình thường, tuy nhiên hiện tại tàu cá hiện tại đã bị rỉ sét, nước vào boong tàu do lâu không hoạt động. Do hoàn cảnh gia đình bà hiện tại rất khó khăn, ông **L** đi nước ngoài làm ăn nhưng công việc không ổn định nên vợ chồng bà không thể trả toàn bộ số tiền trên cho phía Ngân hàng, do đó vợ chồng bà đồng ý để **Ngân hàng N1** có quyền xử lý tài sản bảo đảm của vợ chồng bà theo các hợp đồng bảo đảm đã ký để thu hồi nợ và đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đối với bị đơn ông Phạm L: Ngày 04/01/2024, **Cục Q1 – Bộ C1** có Công văn số 36/QLXNC-P3 cung cấp thông tin ông **Phạm L** đã xuất cảnh ngày 09/6/2022 trên chuyến bay CI792, đường bay Hà Nội – Đài Loan (HAN-TPE), hiện chưa có thông tin nhập cảnh.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình đã tiến hành tổng đạt thông báo về việc thụ lý vụ án cho bà **Nguyễn Thị H1**. Bà **H1** cho biết chồng bà là ông **L** hiện đang cư trú tại Đài Loan. Bà đã thông báo cho ông **L** biết về thời gian mở phiên họp giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, thời gian mở phiên tòa. Sau đó ông **Phạm L** gửi bản tự khai, đơn xin giải quyết, xét xử vắng mặt từ Đài Loan về qua đường bưu chính cho bà **H1**, tuy nhiên không có xác nhận của cơ quan đại diện của Việt Nam ở nước ngoài. Ngày 03/10/2024, bà **H1** có đơn yêu cầu giám định chữ ký, chữ viết **Phạm L** tại bản tự khai, đơn xin xét xử vắng mặt ông **L** gửi về và chữ ký, chữ viết **Phạm L** trong các giấy tờ của ông **L** do Ngân hàng cung cấp. Ngày 04/10/2024 Tòa án có Quyết định trưng cầu giám định số 3194/2024/QĐ-TCGD trưng cầu **Phòng K Công an tỉnh Q** tiến hành giám định chữ ký, chữ viết **Phạm L** tại bản tự khai, đơn xin xét xử vắng mặt và chữ ký, chữ viết **Phạm L** tại các giấy tờ mà Ngân hàng cung cấp. Ngày 14/10/2024, **Phòng K Công an tỉnh Q** có Kết luận giám định số 1090/KL-KTHS, xác định chữ ký, chữ viết **Phạm L** ở bản tự khai, đơn xin giải quyết, xét xử vắng mặt mà bà **H1** giao nộp và trong các mẫu so sánh là do cùng một người viết ra.

Nội dung tại bản tự khai, đơn xin giải quyết, xét xử vắng mặt đề ngày 12/9/2024, bị đơn ông Phạm L trình bày: Ông đã được vợ là bà H1 thông báo về việc khởi kiện của Ngân hàng A do vợ chồng ông vay vốn tại Ngân hàng nhưng đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, tuy nhiên do điều kiện ông đang làm việc ở Đà Loan nên không thể về để tham gia giải quyết, xét xử vụ án và đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt ông. Đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng A, ông có ý kiến như sau: Ông đồng ý với việc khởi kiện của Ngân hàng A và trình bày của vợ ông là bà Nguyễn Thị H1 về việc vợ chồng ông bà có vay vốn tại Ngân hàng A để đóng mới tàu cá vào năm 2018 theo Hợp đồng tín dụng số: 727/2018/HĐTD ngày 25 tháng 05 năm 2018; số tiền vay: 4.500.000.000 đồng; Mục đích vay: Chi phí đóng mới tàu đánh cá; Thời hạn: 8 năm (96 tháng); Lãi suất: 10%/năm. Để đảm bảo cho khoản vay trên, vợ chồng ông bà đã thế chấp tài sản: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 902, tờ bản đồ số 5 tại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BV 352964, do UBND huyện B cấp ngày 17 tháng 10 năm 2014 cho vợ chồng bà là Phạm L và Nguyễn Thị H1; tài sản thứ hai là toàn bộ tàu cá vỏ gỗ theo mẫu thiết kế: ĐH-0117ĐM; cơ quan thiết kế: Công ty TNHH D, Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá số 80074; số đăng ký QB-92425-TS do Chi cục KT&BVNL Thủy sản Q cấp ngày 19 tháng 04 năm 2018. Tổng giá trị tài sản đã thế chấp: 6.200.000.000 đồng. Do hoàn cảnh gia đình ông hiện tại khó khăn, dù ông đã đi nước ngoài kiếm tiền trả nợ cho Ngân hàng nhưng công việc không ổn định nên gia đình ông không thể trả nợ cho Ngân hàng. Do đó ông chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng và đồng ý để Ngân hàng xử lý tài sản đảm bảo để thu hồi nợ như trong hợp đồng thế chấp đã ký; đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

** Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm về vụ án:*

- Về tố tụng: Trong quá trình tiến hành tố tụng, giải quyết vụ án người tiến hành tố tụng và nguyên đơn, bị đơn trong vụ án đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn ông Phạm Lợi .

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn ông Phạm L, bà Nguyễn Thị H1 phải trả nợ cho Ngân hàng N1 số tiền 5.541.338.087 đồng tính đến ngày 29/10/2024 bao gồm nợ gốc và nợ lãi theo các hợp đồng tín dụng đã ký. Trường hợp bị đơn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu phát mại tài sản thế chấp để thu hồi nợ; buộc bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, chi phí tố tụng theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, nghe ý kiến của đại diện nguyên đơn, bị đơn; phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:*

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Theo đơn khởi kiện của **Ngân hàng N1 (A)** về việc yêu cầu ông **Phạm L**, bà **Nguyễn Thị H1** trả nợ theo hợp đồng tín dụng đã ký, đây là tranh chấp về hợp đồng tín dụng được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại Công văn số 36/QLXNC-P3 ngày 04/01/2024 của **Cục Q1 – Bộ C1** cung cấp thông tin bị đơn ông **Phạm L** đã xuất cảnh ngày 09/6/2022 trên chuyến bay CI792, đường bay Hà Nội – Đài Loan (HAN-TPE), hiện chưa có thông tin nhập cảnh. Như vậy, theo quy định tại **khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37; Điều 464** của Bộ luật Tố tụng dân sự thì Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[1.2] Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng cho nguyên đơn và bị đơn là bà **H1** và ông **L** biết về thời gian, địa điểm mở phiên họp hòa giải, thời gian, địa điểm mở phiên tòa về tranh chấp hợp đồng tín dụng giữa **Ngân hàng A** với ông **L**, bà **H1**. Ông **L** đã gửi bản tự khai và đơn xin giải quyết, xét xử vắng mặt về qua đường bưu chính cho bà **H1**, sau đó bà **H1** đã nộp tại Tòa án. Căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông **L**.

[2] *Về nội dung:* Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Bà **Nguyễn Thị H1**, ông **Phạm L** với **Ngân hàng N1** (viết tắt là **A**) đã ký kết “Hợp đồng tín dụng số: 727/2018/HĐTD ngày 25 tháng 05 năm 2018 và các Hợp đồng sửa đổi bổ sung kèm theo”; số tiền vay: 4.500.000.000 đồng; Số tiền giải ngân thực tế: 4.500.000.000 đồng; Mục đích vay: Chi phí đóng mới tàu đánh cá; Thời hạn: 8 năm (96 tháng); Lãi suất trong hạn 10%/năm; lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn, lãi chậm trả 10%/năm tính trên số tiền lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả (Bút lục 96, 97).

[2.3] Quá trình thực hiện nghĩa vụ trả nợ, bị đơn ông **L**, bà **H1** đã trả được 700.000.000 đồng tiền nợ gốc, còn lại 3.800.000.000 đồng tiền gốc và tiền lãi tính đến ngày 29/10/2024 là: **1.741.338.087 đồng (trong đó lãi trong hạn: 1.483.308.320 đồng; lãi quá hạn: 82.424.424 đồng; lãi chậm trả: 175.605.343 đồng)**. Việc bị đơn ông **L**, bà **H1** không thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo cam kết tại các hợp đồng tín dụng, theo ông **L**, bà **H1** do hoàn cảnh gia đình khó khăn, tàu đi biển không thuận lợi, hai vợ chồng không có công việc ổn định và không có khả năng trả nợ nên đã vi phạm nghĩa vụ thực hiện hợp đồng tín dụng mà hai bên đã ký kết.

[3] Về tài sản đảm bảo: Để đảm bảo cho các khoản nợ trên, ông **L**, bà **H1** đã thế chấp tài sản là:

[3.1] Tài sản thứ nhất: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 902, tờ bản đồ số 5; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BV 352964, số vào sổ cấp GCN: CH00983, do UBND huyện B cấp ngày 17 tháng 10 năm 2014, cho ông Phạm L, bà Nguyễn Thị H1, theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 727/2018/HĐTC ngày 24 tháng 05 năm 2018, Văn bản thỏa thuận thế chấp tài sản bảo đảm tiền vay số: 727/2018/VBTT ngày 24 tháng 05 năm 2018 và Hợp đồng sửa đổi bổ sung Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 727/2020/HĐSĐBS-HĐTC ngày 01 tháng 09 năm 2020 ký giữa A chi nhánh B (Bên nhận thế chấp) và ông Phạm L, bà Nguyễn Thị H1 (Bên thế chấp) đã được công chứng tại Văn phòng C, tiểu khu A, thị trấn H, huyện B, tỉnh Quảng Bình đã được đăng ký tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện B ngày 24/5/2018.

Ngày 11/9/2024 Tòa án đã thành lập Hội đồng thẩm định tại chỗ, tiến hành thẩm định tại chỗ thửa đất trên, kết quả như sau: Thửa đất số 902, tờ bản đồ số 5, địa chỉ thửa đất tại thôn B, xã Đ, huyện B, tỉnh Quảng Bình; theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BV352964 do UBND huyện B, Quảng Bình cấp ngày 17/10/2014 cho ông Phạm L, bà Nguyễn Thị H1, diện tích trong GCNQSD đất được cấp là 250 m²; có tứ cận: Phía Bắc giáp thửa đất số 97, tờ bản đồ số 9, có kích thước cạnh là 11,48 m; phía Đông giáp thửa đất số 21, tờ bản đồ số 20, có kích thước các cạnh lần lượt là 16,48 m, 1,59 m, 0,43 m; phía Nam giáp đường giao thông, có kích thước các cạnh lần lượt là 0,82 m, 0,81 m và 10,55 m; phía Tây giáp thửa đất số 128, tờ bản đồ số 20, có kích thước các cạnh lần lượt là 5,20m, 14,04 m. Diện tích thực tế sử dụng của thửa đất đo được là 229,5 m². Trên đất có xây dựng một ngôi nhà cấp 4, đổ bằng một gian, lợp tôn, có diện tích 83,9 m² và 145,6 m² mái hiện lợp tôn, sân và nhà lát gạch hoa. Gia đình bà H1, ông L trình bày sử dụng thửa đất ổn định và không có tranh chấp với ai.

[3.2] Tài sản thứ hai: Toàn bộ tàu cá vỏ gỗ theo mẫu thiết kế: ĐH 0117ĐM; Cơ quan thiết kế: Công ty TNHH D, Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá số 80074; số đăng ký QB-92425-TS do Chi cục KT&BVNL Thủy sản Q cấp ngày 19 tháng 04 năm 2018 theo Hợp đồng thế chấp tài sản số: 727A/2018/HĐTC ngày 24 tháng 05 năm 2018 và Hợp đồng sửa đổi bổ sung Hợp đồng thế chấp tài sản số: 727A/2020/HĐSĐBS-HĐTC ngày 01 tháng 09 năm 2020 ký giữa A chi nhánh B (Bên nhận thế chấp) và ông Phạm L, bà Nguyễn Thị H1 (Bên thế chấp) đã được công chứng tại Văn phòng C và đã đăng ký giao dịch đảm bảo tại Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại Đà Nẵng.

Ngày 08/10/2024, Tòa án đã thành lập Hội đồng thẩm định tàu đánh cá vỏ gỗ. Theo đó: tại thời điểm thẩm định, trên sông N, đường H, tổ dân phố Đ, phường Đ, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình có neo giữ 01 tàu đánh cá vỏ gỗ có giấy chứng nhận đăng ký tàu cá số 80074; số đăng ký QB-92425-TS do Chi cục KT&BVNL Thủy sản Q cấp ngày 19 tháng 04 năm 2018 cho chủ tàu là ông Phạm Lợi. Tàu có đặc điểm: vật liệu vỏ gỗ, máy chính: ký hiệu máy MIITSUBISHI S6H-MTKL, số máy 10203, công

suất 800, nơi chế tạo: Nhật Bản, loại tàu đánh cá, công dụng chụm mực, câu. Con tàu được bà **Nguyễn Thị H1** quản lý và thuê người trông giữ từ năm 2022 cho đến nay.

Như vậy việc các bên ký kết hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp tài sản là hoàn toàn tự nguyện, nội dung và hình thức của các hợp đồng đều tuân thủ đúng các quy định của Ngân hàng và quy định của pháp luật.

[3.3] Quá trình thực hiện các hợp đồng, ông **L** và bà **H1** đã thực hiện nghĩa vụ trả nợ gốc cho **A** số tiền 700.000.000 đồng, còn lại số tiền nợ gốc 3.800.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh tính đến ngày 29/10/2024 (ngày xét xử sơ thẩm) là: 1.741.338.087 đồng (trong đó lãi trong hạn: 1.483.308.320 đồng; lãi quá hạn: 82.424.424 đồng; lãi chậm trả: 175.605.343 đồng). Số tiền nợ lãi bao gồm lãi trong hạn, lãi quá hạn, lãi chậm trả được **A** tính theo lãi suất thỏa thuận trong các hợp đồng tín dụng mà các bên đã ký kết. Quá trình thực hiện hợp đồng, bị đơn ông **L**, bà **H1** đã không thực hiện đúng các thỏa thuận, cam kết tại các Hợp đồng tín dụng đã ký với **A** và để phát sinh nợ quá hạn là vi phạm nghĩa vụ trả nợ.

Vì vậy nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông **L**, bà **H1** phải trả nợ gốc và lãi theo các Hợp đồng tín dụng. Trong trường hợp bị đơn ông **L**, bà **H1** không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì **Ngân hàng A** đề nghị xử lý các tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tàu đánh cá vô gỗ nói trên là phù hợp với quy định với các điều 275, 280, 298, 299, 317, 318, 319, 422, 423, 424, khoản 1 Điều 466 của Bộ luật Dân sự, cần được chấp nhận. Trường hợp sau khi xử lý tài sản đảm bảo mà không đủ thanh toán thì ông **Phạm L**, bà **Nguyễn Thị H1** có trách nhiệm tiếp tục thanh toán số tiền còn thiếu cho **Ngân hàng N1**.

[4] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; bị đơn ông **Phạm L** và bà **Nguyễn Thị H1** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 113.541.000 đồng (lấy tròn số). Tuy nhiên bà **H1** có đơn xin miễn giảm án phí do hoàn cảnh gia đình khó khăn có xác nhận của chính quyền địa phương nên cần xem xét giảm cho bà **H1** và ông **L** ½ mức án phí phải chịu, còn lại bà **H1** và ông **L** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 56.770.000 đồng (lấy tròn số).

[5] Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ tài sản: **Ngân hàng A** đã nộp 7.000.000 đồng tạm ứng chi phí tố tụng, Tòa án đã chi hết số tiền 5.800.000 đồng, còn lại 1.200.000 đồng trả lại cho **Ngân hàng A** tại phiên tòa. Buộc bị đơn ông **Phạm L**, bà **Nguyễn Thị H1** phải chịu trách nhiệm trả lại cho **Ngân hàng A** số tiền 5.800.000 đồng chi phí tố tụng.

* Về chi phí giám định chữ ký của ông **Phạm L**: Bà **Nguyễn Thị H1** phải chịu số tiền 3.060.000 đồng, (bà **H1** đã nộp đủ tại Tòa án).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37; Điều 464; Điều 157; Điều 161; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 13, Điều 14, Điều 15, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Áp dụng các Điều 275, 280, 298, 299, 317, 318, 319, 422, 423, 424, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật Dân sự; Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 306 Luật Thương mại; các Điều 167, 188 Luật Đất đai năm 2013; tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn **Ngân hàng N1** về việc yêu cầu ông **Phạm L**, bà **Nguyễn Thị H1** trả nợ tiền vay theo các hợp đồng tín dụng đã ký và xử lý tài sản thế chấp.

* Buộc ông **Phạm L** và bà **Nguyễn Thị H1** phải trả cho **Ngân hàng N1** số tiền nợ tính đến ngày xét xử sơ thẩm 29/10/2024 là: **5.541.338.087 đồng (Năm tỷ, năm trăm bốn mươi một triệu, ba trăm ba mươi tám nghìn không trăm tám mươi bảy đồng)**, trong đó: nợ gốc: **3.800.000.000 đồng**; nợ lãi: **1.741.338.087 đồng (lãi trong hạn: 1.483.308.320 đồng; lãi quá hạn: 82.424.424 đồng; lãi chậm trả: 175.605.343 đồng)** theo Hợp đồng tín dụng số: 727/2018/HĐTD ngày 25 tháng 05 năm 2018, Hợp đồng sửa đổi bổ sung Hợp đồng tín dụng số: 727/2019/HĐSĐBS-TD ngày 20 tháng 11 năm 2019, Hợp đồng sửa đổi bổ sung Hợp đồng tín dụng số: 727A/2020/HĐSĐBS-HĐTD ngày 22 tháng 05 năm 2020, Hợp đồng sửa đổi bổ sung Hợp đồng tín dụng số: 727B/2020/HĐSĐBS-HĐTD ngày 01 tháng 09 năm 2020, Hợp đồng sửa đổi bổ sung Hợp đồng tín dụng số: 727C/2020/HĐSĐBS- HĐTD ngày 11 tháng 11 năm 2020, Hợp đồng sửa đổi bổ sung Hợp đồng tín dụng số: 727D/2021/HĐSĐBS-HĐTD ngày 21 tháng 05 năm 2021, Hợp đồng sửa đổi bổ sung Hợp đồng tín dụng số: 727E/2021/HĐSĐBS-HĐTD ngày 17 tháng 11 năm 2021, Hợp đồng sửa đổi bổ sung Hợp đồng tín dụng số: 727F/2022/HĐSĐBS- HĐTD ngày 16 tháng 05 năm 2022 và Hợp đồng sửa đổi bổ sung Hợp đồng tín dụng số: 727G/2022/HĐSĐBS-HĐTD ngày 21 tháng 11 năm 2022.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, ông Phạm L, bà Nguyễn Thị H1 phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất nợ quá hạn mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số: 727/2018/HĐTD ngày 25 tháng 05 năm 2018 và các Hợp đồng sửa đổi bổ sung kèm theo như trên giữa Ngân hàng N1 với ông Phạm L, bà Nguyễn Thị H1.

2. Trường hợp ông **Phạm L**, bà **Nguyễn Thị H1** không thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì **Ngân hàng N1** có quyền yêu cầu phát mại các tài sản bảo đảm của ông **Phạm L**, bà **Nguyễn Thị H1** (theo các Hợp đồng thế chấp tài sản) sau đây để thu hồi nợ:

+ Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 727/2018/HĐTC ngày 24 tháng 05 năm 2018, Văn bản thỏa thuận thế chấp tài sản bảo đảm tiền vay số: 727/2018/VBTT ngày 24 tháng 05 năm 2018 và Hợp đồng sửa đổi bổ sung Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 727/2020/HĐSĐBS-HĐTC ngày 01 tháng 09 năm 2020: Tài sản bảo

đảm là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 902, tờ bản đồ số 5; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BV 352964, số vào sổ cấp GCN: CH00983, do UBND huyện B cấp ngày 17 tháng 10 năm 2014, cho ông Phạm L, bà Nguyễn Thị H1; diện tích thực tế là 229,5 m². Hiện trên đất có tài sản một ngôi nhà cấp 4, đồ bằng một gian, lợp tôn, có diện tích 83, 9 m² và 145,6 m² mái hiên lợp tôn, sân và nhà lát gạch hoa.

+ Hợp đồng thế chấp tài sản số: 727A/2018/HĐTC ngày 24 tháng 05 năm 2018 và Hợp đồng sửa đổi bổ sung Hợp đồng thế chấp tài sản số: 727A/2020/HĐSĐBS-HĐTC ngày 01 tháng 09 năm 2020: Tài sản bảo đảm là Toàn bộ tàu cá vỏ gỗ theo mẫu thiết kế: ĐH 0117ĐM; Cơ quan thiết kế: Công ty TNHH D, Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá số 80074; số đăng ký QB-92425-TS do Chi cục KT&BVNL Thủy sản Q cấp ngày 19 tháng 04 năm 2018.

* Trường hợp sau khi xử lý tài sản đảm bảo mà không đủ thanh toán thì ông Phạm L, bà Nguyễn Thị H1 có trách nhiệm tiếp tục thanh toán số tiền còn thiếu cho Ngân hàng N1.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Phạm L, bà Nguyễn Thị H1 phải chịu: 56.770.000 đồng (năm mươi sáu triệu, bảy trăm bảy mươi nghìn đồng).

* Trả lại cho Ngân hàng N1 số tiền 56.447.000 đồng đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0002512 ngày 21/12/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình.

4. Về chi phí tố tụng: Ông Phạm L, bà Nguyễn Thị H1 phải chịu trách nhiệm trả lại cho Ngân hàng N1 số tiền 5.800.000 đồng chi phí thẩm định tại chỗ tài sản.

Về chi phí giám định: Bà H1 phải chịu 3.060.000 đồng (bà H1 đã nộp đủ).

5. Nguyên đơn, bị đơn bà Nguyễn Thị H1 có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 29/10/2024); bị đơn ông Phạm L vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Quảng Bình;
- Chi cục THADS huyện Bố Trạch;
- Đương sự;
- Niêm yết tại UBND xã Đức Trạch;
- Lưu: hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký
Nguyễn Thái Sơn

